TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2020/HS-ST
Ngày : 18/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo
2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký tòa án nhân dân quận Tân Bình - Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 150/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

VI VĂN T; sinh năm 1996 tại Nghệ An; nơi đăng ký thường trú: xã M, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Đình T và bà: Nguyễn Thị V; vợ, con: không; tiền án: Bản án số 60/2014/HSST ngày 31/7/2014 Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù về tội ”Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 01/01/2015; Bản án số 101/2016/HSST ngày 21/9/2016 Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt ngày 26/02/2017; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 15/7/2020 (Có mặt)

- Bị hại:

1/Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1989; Địa chỉ: xã V, huyện H, Bạc Liêu (vắng mặt)

2/Chị Lê Thị N, sinh năm 1978; Địa chỉ: xã X, huyện L, Hậu Giang (vắng mặt)

3/Anh Phạm Tuấn K, sinh năm 1989; Địa chỉ : thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Trần Hoàng M, sinh năm 1967; Địa chỉ: xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2/ Anh Trương Văn T, sinh năm 1998; Địa chỉ : phường H, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lâm Quốc V – Văn phòng Luật sư VT là tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư Pháp Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 08/3/2020, Vi Văn T đi bộ một mình tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đến công trình đang xây dựng tại đường D, Phường B, quận B, thấy không có ai trông coi nên nảy sinh ý định lẻn vào trong khu vực công trình xây dựng để tìm kiếm tài sản. T trèo lên cột điện để vào bên trong khu vực công trình, đi theo đường cầu thang lên lầu 1. Tại đây T nhìn thấy anh Phạm Tuấn K đang ngủ, bên cạnh có 01 điện thoại di động OPPO A33W màu đen đang cắm sạc pin, T dùng tay phải rút điện thoại ra khỏi dây sạc và dùng tay trái bỏ điện thoại này vào túi quần trước bên trái. T tiếp tục đi vào bên trong khu vực lầu 1 của công trình, vào một phòng khác thấy chị Lê Thị N đang nằm ngủ, bên cạnh có 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J5 màu vàng đồng đang cắm sạc pin. T tiến lại gần rồi dùng tay phải rút điện thoại ra khỏi dây sạc và bỏ điện thoại vào túi quần trước bên trái. T tiếp tục đi ra khỏi phòng và vào phòng đối diện. thấy anh Nguyễn Quốc V đang ngủ, bên cạnh có 01 điện thoại Nokia TA1080 màu đen đang sạc pin, T dùng tay phải rút dây sạc điện thoại và bỏ vào túi quần trước bên phải. Sau đó, T tẩu thoát ra ngoài đường D theo hướng ban đầu trèo vào và đi bộ để tìm nơi bán lại những điện thoại vừa trộm cắp được.

Khi T đi bộ đến trước nhà trên đường C thì gặp Trương Văn T đang điều khiển xe máy trên đường, Trương Văn T hỏi T có đi xe ôm không, T đồng ý và yêu cầu Trương Văn T chở đến đường D với mục đích tìm nơi bán 03 điện thoại vừa trộm cắp được. Trên đường đi, T không nói với Trương Văn T biết việc T trộm cắp 03 điện thoại và đang tìm nơi bán. Khi đến nhà trên đường D, Phường H, quận T là tiệm cầm đồ thì T yêu cầu anh Trương Văn T dừng lại và đứng đợi bên ngoài để T đi vào nhà trên đường D lấy tiền trả tiền xe ôm cho Trương Văn T. Khi vào bên trong tiệm, T gặp chủ tiệm cầm đồ hỏi cầm cố 03 điện thoại vừa trộm cắp được nhưng chủ tiệm không đồng ý nên T bỏ đi. T ra ngoài gặp Trương Văn T thì bị Tổ tuần tra hình sự, Công an quận T kiểm tra, phát hiện nghi vấn và đưa Trương Văn T, T cùng tang vật về trụ sở làm việc.

T và Trương Văn T đều khai nhận T không nói cho Trương Văn T biết việc trộm cắp được 03 điện thoại di động và lên xe Trương Văn T chở để tìm nơi bán, Trương Văn T chở T đi để lấy tiền đổ xăng, trước đó hai người không quen biết nhau. Vì vậy, không tiến hành khởi tố, điều tra đối với Trương Văn T vai trò đồng phạm. Kết quả xét nghiệm phát hiện Trương Văn T dương tính với chất ma túy,

Công an Phường B, quận B đã xử lý vi phạm hành chính đối với Trương Văn T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Quá trình điều tra, Vi Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại Samsung Galaxy J5 màu vàng đồng của chị Lê Thị N, kết luận định giá, đã trả lại cho người bị hại;

- 01 điện thoại Nokia màu đen của anh Nguyễn Quốc V, đã trả lại cho người bị hại.

- 01 điện thoại OPPO A33W màu đen của anh Phạm Tuấn K, quá trình làm việc anh K không có ý kiến yêu cầu gì, xác minh hiện anh K đã không còn ở địa phương nên nhập kho vật chứng chờ xử lý.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 74/HĐĐGTS-TTHS ngày 10/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3W màu đen trị giá 500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA1080 màu xanh đen trị giá 1.300.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 màu vàng đồng trị giá 1.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.000.000 đồng.

- 01 xe máy Suzuki, biển số 29M2 – 0433 tạm giữ của Trương Văn T, Trương Văn T khai xe máy là của cha ruột là ông Trần Hoàng M cho mượn để sử dụng. Ông M khai nhận xe máy trên do ông mua lại từ một tiệm bán xe cũ khoảng cuối năm 2017, đến nay đã mất giấy mua bán xe chỉ còn giấy đăng ký xe. Chủ sở hữu hợp pháp xe máy Suzuki biển số 29M2 – 0433 là bà Trần Thị Kim T hiện không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì.

Kết luận giám định số 4032/KLGĐ-X(Đ4) ngày 18/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh về xe máy biển số 29M2 – 0433: số khung, số máy không thay đổi. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình đã đăng báo tìm chủ sở hữu chiếc xe máy trên nhưng chưa có kết quả.

Tại bản cáo trạng số 136/CT-VKS ngày 09 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bìnhđã truy tố bị cáo Vi Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình nêu tóm tắt nội dung vụ án, các nguyên nhân điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nêu các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về vật chứng thì đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Quốc V, chị Lê Thị N đã nhận lại tài sản không có ý kiến yêu cầu gì.

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật. Luật sư nêu lên các tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo là người dân tộc, học vấn thấp khả năng nhận thức pháp luật hạn chế, cha bị cáo là người có công với cách mạng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức thấp hơn theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân quận B.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, phần bào chữa của Luật sư, bị cáo không tranh luận, bào chữa bổ sung mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Vi Văn T, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận B, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận B được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3W màu đen trị giá 500.000 đồng của anh Phạm Tuấn K, 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA1080 màu xanh đen trị giá 1.300.000 đồng của anh Nguyễn Quốc V và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 màu vàng đồng trị giá 1.200.000 đồng của chị Lê Thị N, tổng giá trị bị cáo chiếm đoạt là 3.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo Vi Văn T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và

pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Xét nhân thân bị cáo là xấu, đã 02 lần bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản, chưa được xoá án tích lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, bị cáo là đối tượng nghiện ma tuý. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xem xét tình tiết: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo là người dân tộc, ba bị cáo là ông Vũ Đình T người có công với cách mạng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét phần trình bày bào chữa của Luật sư cho bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị N, Nguyễn Quốc V, Phạm Tuấn K không có ý kiến yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tang vật vụ án:

01 điện thoại OPPO A33W màu đen là tài sản của anh Phạm Tuấn K, Hội đồng xét xử trả lại cho anh K.

01 xe máy Suzuki, biển số 29M2 – 0433 không liên quan đến vụ án, ông M có yêu cầu nhận lại nên Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho người quản lý tài sản hợp pháp là ông Trần Hoàng M. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với chiếc xe trên thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Vi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo: VI VĂN T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 15/7/2020.

[2]- Trả lại cho anh Phạm Tuấn K 01 điện thoại di động hiệu OPPO A33W màu đen.

- 01 xe máy Suzuki, biển số 29M2 – 0433 giao trả lại cho ông Trần Hoàng M là người quản lý tài sản hợp pháp. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với chiếc xe trên thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 136/PNK ngày 03/9/2020 và 142/PNK ngày 10/9/2020 của Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

[3] Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc ngày Tòa án tống đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại, NLQ
- Công an quận B;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Ngọc Tâm